

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

**ĐỀ ÁN TUYỂN SINH
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2019**

(Kèm theo tờ trình số: 125/TTr-ĐHSP, ngày 13 tháng 08 năm 2019)

Đà Nẵng, 2019

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2019

1. Thông tin chung về trường (tính đến thời điểm xây dựng Đề án)

Trường Đại học Sư phạm là cơ sở giáo dục thành viên thuộc Đại học Đà Nẵng, là một trong các Trường trọng điểm quốc gia, là CSGD đầu tiên được kiểm định và công nhận đạt đàm bảo chất lượng giáo dục quốc gia. Trường có chức năng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên các cấp; đào tạo cán bộ khoa học và kỹ thuật, cán bộ quản lý; đào tạo sau đại học; giảng dạy các môn cơ bản cho các trường thành viên Đại học Đà Nẵng; nghiên cứu khoa học, triển khai công nghệ phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội các tinh thành trong cả nước, đặc biệt là khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.

1.1. Giới thiệu về trường và ngành đào tạo

Trường Đại học Sư phạm- Đại học Đà Nẵng hiện đang đào tạo 29 ngành bậc Đại học chính quy; 06 ngành Đại học Chất lượng cao; 16 chuyên ngành Thạc sĩ và 06 chuyên ngành Tiến sĩ. Ngoài ra Trường còn được Bộ GD và ĐT giao nhiệm vụ Bồi dưỡng giáo viên các cấp cũng như bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và quản lý giáo dục trong phạm vi cả nước.

Trường có đội ngũ 236 giảng viên, có trình độ cao (16 Giáo sư-Phó Giáo sư; 90 Tiến sĩ khoa học, Tiến sĩ; 58 giảng viên chính) được đào tạo tại các trường uy tín trên thế giới và Việt Nam. Cơ sở vật chất hiện đại bao gồm giảng đường, hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, phòng máy tính, thư viện, ký túc xá ... đảm bảo phục vụ cho học tập, nghiên cứu và sinh hoạt.

Địa chỉ của trường: số 459 đường Tôn Đức Thắng, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng; địa chỉ trang web: <http://ued.udn.vn>

1.2. Quy mô đào tạo chính quy:

Khối ngành/Nhóm ngành	NCS	Học viên CH	Quy mô hiện tại					
			ĐH		CĐSP		TCSP	
			GD chính quy	GD TX	GD chính quy	GD TX	GD chính quy	GD TX
Nhóm ngành I	01	443	1.937					
Nhóm ngành II								
Nhóm ngành III								
Nhóm ngành IV	06	120	896					
Nhóm ngành V	03	185	1.021					
Nhóm ngành VI								
Nhóm ngành VII	12	151	2.776					
Tổng (ghi rõ cả số NCS, cao học, SV ĐH, CĐ, TC)	22	899	6.630					

1.3. Thông tin về tuyển sinh VLVH của năm gần nhất

- Bằng 2 hệ VLVH: gồm 01 phương thức xét tuyển các môn trong bảng điểm học bạ.
- Cao đẳng Đại học hệ VLVH: gồm 02 phương thức thi tuyển, xét tuyển;
- Liên thông hệ VLVH: Xét tuyển bảng điểm trung cấp, cao đẳng.

2. Các thông tin của năm tuyển sinh

2.1. Đối tượng tuyển sinh: thí sinh có bằng tốt nghiệp THPT/trung cấp/ cao đẳng/bằng đại học thứ nhất.

2.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

2.3. Phương thức tuyển sinh, xét tuyển

Tháng 01 năm 2019 trở đi Trường Đại học Sư phạm – ĐH Đà Nẵng chọn phương thức tuyển sinh như sau:

- Bằng 2 hệ VLVH: Xét tuyển điểm trung bình học tập của các môn chính, trong học bạ lớp 12 THPT (tùy vào từng ngành học, Trường Đại học Sư phạm – ĐHĐN sẽ có thông báo cụ thể)

- Cao đẳng, Đại học hệ VLVH: Xét tuyển kết quả thi THPT quốc gia hoặc kết quả học bạ lớp 12 THPT; Riêng Cao đẳng, Đại học ngành GD Mầm non và Sư phạm Âm nhạc ngoài xét kết quả THPT quốc gia hoặc xét kết quả học bạ lớp 12 THPT còn kiểm tra năng khiếu.

- Liên thông hệ VLVH: Xét tuyển điểm trung bình học tập trình độ trung cấp/cao đẳng.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khoi ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo, cụ thể như sau:

2.4.1. Văn bằng 2 (Bậc Đại học)

Số thứ tự	Ngành	Môn thi/ Tổ hợp môn thi, xét tuyển	Đối tượng
1	Giáo dục Mầm non, Sư phạm Âm nhạc	<ul style="list-style-type: none"> - Xét kết quả học tập đại học: Trung bình chung ≥ 5 điểm; và xét môn Văn, Toán học bạ lớp 12 THPT mỗi môn ≥ 5 điểm; Trung bình chung năm học lớp 12 THPT ≥ 5 điểm. - Kiểm tra năng khiếu. 	Có bằng đại học các ngành thuộc nhóm ngành I (Sư phạm, khoa học giáo dục)
2	GD Tiểu học, GD Chính trị, Sư phạm các ngành: Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học, Ngữ Văn, Lịch Sử, Địa lý	<p>Có bằng Đại học thứ nhất thuộc nhóm ngành Khoa học Giáo dục và Đào tạo giáo viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xét kết quả học tập trong học bạ lớp 12 THPT theo tổ hợp tuyển sinh các ngành chính quy tương ứng với ngành đăng ký dự tuyển. 	Có bằng Đại học thứ nhất thuộc nhóm ngành I (Sư phạm, khoa học giáo dục)
3	Các ngành cử nhân khoa học: Báo chí; Việt Nam học; Quản lý Tài nguyên – Môi trường; Công nghệ sinh học; Vật lý học; Toán ứng dụng; Công nghệ thông tin; Hóa Dược; Hóa phân tích môi	<p>Có bằng Đại học thứ nhất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyển thẳng: thí sinh có bằng Đại học thứ nhất thuộc cùng nhóm ngành với ngành đăng ký dự tuyển văn bằng 2. - Xét kết quả học tập trong học bạ lớp 12 THPT đối với các ngành khác ngành dự tuyển theo tổ hợp tuyển sinh 	Danh mục nhóm ngành theo thông tư số: 15/VBH

	<i>trường; Văn học; Văn hóa học; Lịch Sử, Tâm lý học; Công tác xã hội; Giáo dục đặc biệt; Khoa học môi trường, Địa lý học; Địa lý tự nhiên</i>	các ngành chính quy tương ứng với ngành đăng ký dự tuyển.	N-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo
--	--	---	------------------------------------

2.4.2. Cao đẳng, Đại học (Tuyển sinh từ THPT)

Số thứ tự	Ngành	Bậc đào tạo	Môn thi/ Tổ hợp môn thi, xét tuyển	Đối tượng
1	<i>Giáo dục Mầm non</i>	Cao Đẳng	Xét điểm Toán + Văn (thi THPT QG hoặc học bạ lớp 12 THPT) và thi năng khiếu (Hát, Đọc diễn cảm, Kể chuyện).	Hoặc xét kết quả tuyển sinh Đại học chính qui ngành Mầm non do ĐH Đà Nẵng tổ chức
		Đại học	- Xét kết quả thi THPT QG hoặc học bạ lớp 12 THPT các tổ hợp: 1. Toán + Văn + Anh 2. Toán + Văn + Địa 3. Toán + Văn + Sử	
2	<i>Giáo dục Tiểu học</i>	Đại học	- Xét kết quả thi THPT QG hoặc học bạ lớp 12 THPT các tổ hợp: 1. Văn + Địa + Sử 2. Văn + Địa + Anh 3. Văn + Sử + Anh	TN THPT (BTVH) hoặc tương đương
3	<i>Báo chí</i>	Đại học	- Xét kết quả thi THPT QG hoặc học bạ lớp 12 THPT các tổ hợp: 1. Văn + Toán + Anh 2. Văn + Toán + Địa 3. Văn + Toán+ Sử	
4	<i>Công tác xã hội</i>	Đại học	- Xét kết quả thi THPT QG hoặc học bạ lớp 12 THPT các tổ hợp: 1. Văn + Toán + Anh 2. Văn + Toán + Địa 3. Văn + Toán+ Sử	

2.4.3. Liên thông lên đại học (từ Trung cấp/Cao đẳng lên Đại học)

Số thứ tự	Ngành đào tạo	Hình thức tuyển sinh	Đối tượng
1	<i>Giáo dục Mầm non</i>	Xét tuyển: Trung bình chung học tập TC/CĐ ≥ 5	Tốt nghiệp TC/CĐ Mầm non
2	<i>Việt Nam học (Văn hóa – du lịch)</i>	Xét tuyển: Trung bình chung học tập TC/CĐ ≥ 5	- Tốt nghiệp CĐ Việt Nam học và các ngành gần theo qui định.
3	<i>Giáo dục Tiểu học</i>	Xét tuyển: Trung bình chung học tập TC/CĐ ≥ 5	Tốt nghiệp TC/CĐ Tiểu học
4	<i>Báo chí</i>	Xét tuyển:	Tốt nghiệp CĐ các

		Trung bình chung học tập TC/CĐ ≥ 5	ngành: Ngữ Văn; Lịch Sử; Địa lý; Ngôn ngữ và văn hóa; Báo chí và truyền thông...
5	Các ngành Sư phạm và cử nhân khoa học khác	Xét tuyển: Trung bình chung học tập TC/CĐ ≥ 5	Tốt nghiệp CĐ các ngành tương ứng hoặc tương đương

2.5. **Nguồn đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT**

- Xét tuyển sử dụng kết quả thi THPT Quốc gia: Điểm trung bình của 3 môn dùng để xét tuyển ≥ 5.0 .
 - Xét học bạ lớp 12 THPT: Điểm trung bình của 3 môn dùng để xét tuyển ≥ 5.0 .
 - Xét kết quả học tập bậc trung cấp/cao đẳng/bằng ĐH thứ nhất: Điểm trung bình học tập trình độ trung cấp/cao đẳng/ bằng ĐH thứ nhất (Điểm TB này là trung bình cho tất cả các môn trong chương trình học) ≥ 5.0

2.6. **Tổ chức tuyển sinh**

Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

2.6.1. **Hồ sơ đăng ký xét tuyển**

Hồ sơ (bỏ vào bì hồ sơ tuyển sinh, ghi đầy đủ thông tin cá nhân)	Từ THPT lên ĐH/CĐ	Liên thông từ TC/CĐ lên ĐH	Bằng 2 đại học
Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu ĐHĐN)	X	X	X
Bản sao hợp lệ kết quả thi THPT Quốc gia/ học bạ lớp 12 THPT, bằng tốt nghiệp THPT/ BTVH	X		
Bản sao hợp lệ kết quả học tập, bản sao bằng tốt nghiệp Trung cấp/ Cao đẳng/ đại học (có chứng thực)		X	X
Minh chứng hợp lệ để hưởng các chính sách ưu tiên (nếu có)	X	X	X
02 phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ nhận giấy báo	X	X	X
Lệ phí đăng ký xét tuyển, lệ phí thi năng khiếu (nếu có)	X	X	X
02 ảnh 3x4 (chụp tại thời điểm 6 tháng gần nhất)	X	X	X

2.6.2. **Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ**

- Thời gian xét tuyển: 04 đợt/năm (tháng 4, 7, 10, 12 hàng năm)
- Địa điểm nhận hồ sơ:

Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng.

Số 459 – Tôn Đức Thắng – TP Đà Nẵng; ĐT: 023602363.789.976.

2.7. **Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển**

Các đối tượng ưu tiên chính sách hay khu vực được cộng điểm ưu tiên theo qui định hiện hành.

2.8. Lê phí xét tuyển/thi tuyển

- Lê phí xử lý hồ sơ và xét tuyển theo kết quả học: 100.000 đồng/hồ sơ.
- Lê phí thi năng khiếu (nếu có): theo thông báo từng đợt tuyển sinh của Đại học Đà Nẵng.

2.9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN đang áp dụng Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, ngày 02/10/2015 Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm 2015-2016 đến năm học 2020-2021.

3. Thông tin về các Điều kiện đảm bảo chất lượng chính

(theo Đề án tuyển sinh hệ chính quy)

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 02 năm 2019
HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG

